

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán và phương án khảo sát lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính Phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây Dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã thành phố trực thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4542/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; Quyết định số 4655/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 8069/SXD-QH ngày 22/12/2020 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc ý kiến hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu Văn hóa – Thể thao, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 09/TĐ-KTHT ngày 12/01/2021 và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện tại Tờ trình số 356/TTr-BQLDA ngày 24/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán và phương án khảo sát lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn với những nội dung sau:

1. Phạm vi và quy mô khu đất lập quy hoạch:

1.1. Phạm vi, ranh giới:

Khu đất lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn (được xác định tại lô đất TDDT- 03 theo đồ án Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn đến năm 2030). Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: Đường giao thông quy hoạch (tuyến đường nối QL.47C với TL.514);

- Phía Nam giáp: Khu dân cư mới theo quy hoạch;

- Phía Đông giáp: Khu dân cư mới theo quy hoạch;

- Phía Tây giáp: Đất cây xanh, bãi đỗ xe theo quy hoạch.

1.2. Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 7,87ha.

Trong đó:

+ Đất dành cho khu VH-TT: 6,73 ha;

+ Đất công cộng dành cho giao thông ngoài dự án: 1,14 ha.

- Quy mô khảo sát địa hình lập quy hoạch: 9,44ha.

2. Tính chất, chức năng:

Là khu Văn hóa – Thể thao cấp huyện, phục vụ các sự kiện chính trị, văn hóa, thể thao của nhân dân huyện Triệu Sơn.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

a) Dự kiến tổ chức khu đất thành các khu chức năng sau:

- Trung tâm Văn hóa – Thể thao;

- Khu tập luyện thể thao trong nhà;

- Sân vận động ngoài trời;

- Khu tập luyện thể thao ngoài trời: Bể bơi, sân tennis, cầu lông, bóng chuyền...

- Quảng trường, bãi đỗ xe, cây xanh...

b) Chỉ tiêu sử dụng đất:

- Diện tích đất quy hoạch: $\geq 5.000m^2$.

- Diện tích hoạt động trong nhà

+ Văn phòng: $\geq 250m^2$.

+ Phục vụ hoạt động chuyên môn: $\geq 1.000m^2$.

- Diện tích hoạt động ngoài trời: $\geq 3.3000 \text{ m}^2$.
- Đất cây xanh: $\geq 15\%$.
- Quảng trường: $\geq 0,5\text{m}^2/\text{người}$.
- Bãi đỗ xe:
- + Ô tô: $25,0\text{m}^2/\text{xe}$.
- + Xe máy: $3,0\text{m}^2/\text{xe}$.
- + Xe đạp: $0,9\text{m}^2/\text{xe}$.

c) Các chỉ tiêu xây dựng:

- Trung tâm Văn hóa – Thể thao: diện tích xây dựng $\geq 5.000\text{m}^2$, tầng cao 03 tầng.

- Khu tập luyện thể thao trong nhà: diện tích xây dựng $\geq 7.000\text{m}^2$, khán đài 1.500 chỗ ngồi.

- Sân vận động: diện tích xây dựng $\geq 30.000\text{m}^2$, khán đài 2.000 chỗ ngồi.

d) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp điện:

+ Khu tập luyện thể thao trong nhà: $100 \text{ W}/\text{m}^2$ sàn.

+ Sân bãi: $5\text{W}/\text{m}^2$.

+ Đèn đường: $1,2\text{W}/\text{m}^2$.

+ Cây xanh: $1,0\text{W}/\text{m}^2$.

- Cấp nước:

+ Nước sinh hoạt: 150 lít/người/ngđ.

+ Nước tưới cây: 3,0 lít/ m^2 .

+ Nước rửa đường: 1,5 lít/ m^2 .

+ Nước phục vụ chữa cháy: 10,0 lít/đám cháy.

- Thoát nước: 100% lượng nước sinh hoạt.

- Chỉ tiêu xử lý chất thải: $1,0 \div 1,2 \text{ kg}/\text{người}/\text{ngđ}$

- Rác thải: Thu gom và xử lý 100%.

5. Các yêu cầu cần nghiên cứu chủ yếu:

5.1. Yêu cầu đối với khảo sát địa hình, điều tra hiện trạng:

Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500, hệ tọa độ VN2000, độ cao Nhà nước, ranh giới khảo sát và phương án khảo sát được lập kèm theo nhiệm vụ. Các số liệu điều tra hiện trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật phải sử dụng số liệu điều tra mới nhất, có hệ thống bảng biểu kèm theo. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng xây dựng, khả năng sử dụng quỹ đất hiện có. Cắm mốc ranh giới khu vực lập quy hoạch và các khu chức năng chính.

5.2. Yêu cầu về nội dung quy hoạch:

Xác định chức năng sử dụng cho khu đất, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan cho toàn khu vực lập quy hoạch, chỉ tiêu về sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật đối với từng khu đất; bố trí các công trình và mạng lưới các công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp với chức năng, công năng sử dụng; đánh giá môi trường chiến lược.

5.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Về giao thông: Xác định mạng lưới đường giao thông, chỉ giới, mặt cắt ngang đường, bao gồm các tuyến đường khu vực, đường nhánh, đường nội bộ

phù hợp với quy hoạch khu vực. Tổ chức giao thông an toàn, đảm bảo liên hệ giữa các khu vực và các mối liên hệ với mạng lưới bên ngoài.

- Về cấp nước: Xác định nhu cầu và nguồn nước. Đề xuất mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật cần thiết.

- Về thoát nước: Đề xuất mạng lưới thoát nước mưa, nước thải, mạng lưới đường ống và thông số kỹ thuật.

- Về cấp điện: Xác định nhu cầu cấp điện, nguồn cung cấp điện, vị trí các trạm điện phân phối, mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và hệ thống điện chiếu sáng phải được nghiên cứu bố trí hợp lý, đảm bảo chiếu sáng, đồng thời làm tăng thêm giá trị thẩm mỹ cho khu vực.

- Về san nền: Đề xuất cao độ san nền khống chế cho từng khu vực, xác định độ dốc san nền, khối lượng đất đào đắp cho từng khu vực xây dựng

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo tận dụng hệ thống hiện có và khớp nối với các khu vực lân cận.

6. Sản phẩm quy hoạch:

6.1. Hồ sơ khảo sát địa hình:

Yêu cầu thực hiện theo quy định tại Luật đo đạc bản đồ số 27/2018/QH14 của Quốc hội, Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng, sản phẩm đo đạc bản đồ.

6.2. Thuyết minh, bản vẽ quy hoạch và các văn bản dự thảo:

- Thuyết minh và bản vẽ: Nội dung theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết: Nội dung theo quy định tại Điều 35, Luật quy hoạch đô thị và phải có các bản vẽ thu nhỏ kèm theo.

- Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch. Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh, bản vẽ minh họa, các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

6.3. Yêu cầu về hồ sơ:

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3 hoặc A4, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu theo tỷ lệ 1/500;

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 08 bộ in màu theo tỷ lệ, kèm theo 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung thuyết minh, bản vẽ và các văn bản có liên quan.

- Thuyết minh đồ án quy hoạch chi tiết phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan.

7. Giá trị dự toán và nguồn vốn:

7.1. Giá trị dự toán: 607.430.000 đ

(Sáu trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí khảo sát:	59.593.000 đ.
- Giám sát khảo sát:	2.427.000 đ.
- Thiết kế đồ án quy hoạch:	392.528.000 đ.
- Lập nhiệm vụ quy hoạch:	47.624.000 đ.
- Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch:	8.659.000 đ.
- Thẩm định đồ án quy hoạch:	39.042.000 đ.
- Quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch:	34.468.000 đ.
- Công bố quy hoạch:	11.776.000 đ.
- Lấy ý kiến cộng đồng:	7.851.000 đ.
- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán:	3.462.000 đ.

7.2. Nguồn vốn: Ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác.

8. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: UBND huyện Triệu Sơn.
- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế và hạ tầng, Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Triệu Sơn.
- Cơ quan thỏa thuận: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Cơ quan lập, trình duyệt quy hoạch: Ban QLDA ĐTXD huyện.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn theo quy định của pháp luật.
- Thời gian lập đồ án quy hoạch: không quá 6 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Giám đốc kho bạc huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3 QĐ;
- TTr HU (b/c);
- TTr HĐND (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính